

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 17/2021/DS-ST.

Ngày: 24-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
(tiền hui).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đông Hà.
2. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền hui), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng X, sinh năm 1964.
Địa chỉ: ấp 3, thị trấn N M, huyện V T, tỉnh H G, có mặt.
2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966.
Địa chỉ: ấp 1, thị trấn N M, huyện V T, tỉnh H G, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Đ có tham gia hội do bà Nguyễn Hồng X làm chủ và bà Nguyễn Thị Đ là người nhận tiền hội đầu tiên, gồm:

Dây hội ngày 01/7/2017 có 21 phần, bà Đ tham gia 01 phần, hội 5.000.000 đồng/tháng, hội này đến nay đã kết thúc. Tiền hội bà Đ nhận 80.000.000 đồng, bà Đ trả tiền huê hồng 2.500.000 đồng, còn lại 77.500.000 đồng; Dây hội ngày 25/02/2018 có 21 phần, bà Đ tham gia 1 phần, hội 5.000.000 đồng/tháng đến nay đã kết thúc. Tiền hội bà Đ nhận 80.000.000 đồng, bà Đ trả tiền huê hồng 2.500.000 đồng, còn lại 77.500.000 đồng; Dây hội ngày 06/12/2017 có 21 phần, bà Đ tham gia 1 phần, hội 5.000.000 đồng/tháng đến nay đã kết thúc. Tiền hội bà Đ nhận 80.000.000 đồng, bà Đ trả tiền huê hồng 2.500.000 đồng, còn lại 77.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Hồng X khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền còn nợ của 03 dây hội trên là 145.800.000 đồng và bà X kèm theo chứng cứ là biên nhận ngày 28/10/2019 là tổng số tiền 03 dây hội trên bà Đ còn nợ lại 170.000.000 đồng. Bà X khai dây hội ngày 01/7/2017 bà Đ góp 13 lần hội chết bằng số tiền 65.000.000 đồng, còn nợ lại 07 lần bằng 35.000.000 đồng; Dây hội ngày 25/02/2018 bà Đ góp 05 lần hội chết bằng số tiền 25.000.000 đồng, còn nợ lại 15 lần bằng 75.000.000 đồng; Dây hội ngày 06/12/2017 bà Đ góp 08 lần hội chết bằng số tiền 40.000.000 đồng, còn nợ lại 12 lần bằng 60.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Đ đã trả được số tiền 24.200.000 đồng. Như vậy bà Đ còn nợ lại 145.800.000 đồng.

Tài liệu chứng cứ bà Nguyễn Hồng X kèm theo đơn khởi kiện: Biên nhận ngày 28/10/2019.

Quá trình thu thập chứng cứ:

Bà Nguyễn Thị Đ thừa nhận có tham gia các dây hội trên nhận tiền hội như trình bày của bà X là đúng, đã trả cho bà X là 24.200.000 đồng cũng đúng. Nhưng, dây hội ngày 01/7/2017 đã góp cho bà X 18 lần bằng số tiền 90.000.000 đồng. Còn nợ lại 02 lần bằng số tiền 10.000.000 đồng; Dây hội ngày 25/02/2018 đã góp cho bà X 10 lần bằng số tiền 50.000.000 đồng. Còn nợ lại bà X 10 lần bằng 50.000.000 đồng; Dây hội ngày 06/12/2017 đã góp cho bà X 13 lần bằng 65.000.000 đồng, còn nợ lại 07 lần bằng 35.000.000 đồng. Nên số tiền còn nợ bà Nguyễn Hồng X là 95.000.000 đồng, trả 24.200.000 đồng, còn nợ lại 70.800.000 đồng. Đồng ý trả cho bà X 70.800.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Đ chứng minh bằng bản kê hội ngày 01/7/2017 al (21 phần) 19 lần còn 02 lần. Hội ngày

06/12/2017 21 phần 14 lần còn 07 lần 35.000.000 đồng. Hui ngày 25/02/2018 (21 phần) 11 lần còn 10 lần 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng X trình bày giữ nguyên yêu cầu bị đơn bà Đ trả số tiền hui còn nợ là 145.800.000 đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ khai bản kê tiền hui là do bà X ghi trước khi ký biên nhận với bà X, chỉ đồng ý trả cho bà X số tiền hui 70.800.000 đồng.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Thống nhất quá trình thu thập chứng cứ của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án.

Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Hồng X khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu trả tiền hui là 145.800.000 đồng, nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản (tiền hui) đây là vụ án dân sự, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Địa chỉ của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ tại ấp 1, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật về thẩm quyền.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Bà Nguyễn Hồng X yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả hui còn nợ là 145.800.000 đồng, bà Nguyễn Thị Đ chỉ đồng ý trả 70.800.000 đồng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”. Ở đây bà Nguyễn Hồng X chứng minh bà Nguyễn Thị Đ có nợ tiền bằng biên nhận ngày 28/10/2019 (âm lịch). Bà Nguyễn Thị Đ chỉ đồng ý trả 70.800.000 đồng và cung cấp cho bảng kê hui ngày 01/7/2017 al (21 phần) 19 lần còn 02 lần. Hui ngày 06/12/2017 21 phần 14 lần còn 07 lần 35.000.000 đồng. Hui ngày 25/02/2018 (21 phần) 11 lần còn 10 lần 50.000.000 đồng. Bà X

thừa nhận bảng kê trên là bà X ghi cho bà Đ do bà Đ không góp tiền hội liên tục 05 tháng, bà Đ kêu ghi lại hội khi nào kết thúc cho biết số tiền còn bao nhiêu để bà Đ trả góp dần. Còn nợ 05 tháng chưa góp của ba dây hội nêu trên bằng 75.000.000 đồng khi nào bà Đ bán được lô ở chợ sẽ trả 01 lần. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Đ khai bảng kê là bà X ghi và đưa cho bà Đ trước, sau đó bà X đến nhà bà Đ và ghi biên nhận yêu cầu bà Đ ký tên vào, khi bà Đ ký tên không đọc biên nhận không biết nội dung biên nhận ghi như thế nào. Qua trình bày trên, Hội đồng xét xử thấy rằng lời khai của bà Nguyễn Hồng X là có căn cứ vì, do bà Đ không trả tiền nên bà X ghi tổng số tiền còn nợ và bà Đ thống nhất ký tên vào biên nhận. Bà Đ cho rằng khi ký tên không đọc biên nhận, không biết nội dung biên nhận ghi như thế nào là không có căn cứ. Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”, bà Nguyễn Thị Đ không chứng minh được khi ký biên nhận với bà X là không tự nguyện do bị bà X đe dọa hoặc ép buộc. Do vậy, nên Hội đồng xét xử áp dụng Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2]. Về lãi suất: Do lãi suất theo thỏa thuận của bà Nguyễn Hồng X và bà Nguyễn Thị Đ không vượt quá lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nên hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận lãi hội này của các đương sự.

Từ những nhận định như đã nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Hồng X.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: buộc đương sự nộp theo Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[4]. Về phát biểu đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa. Xét, phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, Tòa chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 91, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019.

Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng X.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Hồng X số tiền hui còn nợ là 145.800.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm nghìn) đồng.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị Đ nộp 7.290.000 (bảy triệu hai trăm chín mươi nghìn) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Bà Nguyễn Hồng X được nhận lại 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Hồng X nộp ngày 22 tháng 02 năm 2021 theo biên lai số 0008364 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Phạm Thị Tuyết Mai

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đông Hà – Trần Thị Bé Ngọc

Phạm Thị Tuyết Mai